

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151/2006/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước năm 2007****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2005/QH11 ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 510/UBTVQH11 ngày 07 tháng 6 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2007, năm đầu tiên của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2.

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định này đã bao gồm toàn bộ tiền lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004, Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 và Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ. Định mức này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, dự toán chi ngân sách của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

2. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi áp dụng định mức này mà dự toán chi thường xuyên năm 2007 và các lĩnh vực chi được Quốc hội quyết định (giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ) thấp hơn mức dự toán chi năm 2006 Thủ tướng Chính phủ đã giao tại Quyết định số 1194/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2005 thì được bổ sung để bảo đảm không thấp hơn mức dự toán năm 2006 và có mức tăng hợp lý.

Điều 3. Căn cứ Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 15 tháng 8 năm 2006; đồng thời gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Căn cứ Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định này, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức phân bổ chi ngân sách địa phương trước ngày 15 tháng 8 năm 2006 để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách ở địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm ngân sách 2007; đồng thời gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và được áp dụng từ năm ngân sách 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan khác ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ
DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2007
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH
CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ
VÀ CÁC CƠ QUAN KHÁC Ở TRUNG ƯƠNG**

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

1. Các Bộ, cơ quan Trung ương (không phải ngành dọc)	Định mức phân bổ năm 2007
- Trên 500 biên chế	37,0
- Từ 401 đến 500 biên chế	38,1
- Từ 301 đến 400 biên chế	39,3
- Từ 201 đến 300 biên chế	40,4
- Từ 101 đến 200 biên chế	41,6
- Dưới 101 biên chế	42,9
2. Các cơ quan ngành dọc	32,5

a) Định mức phân bổ nêu trên:

Đã bao gồm tiền lương, có tính chất lương, các khoản trích theo lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004, Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ; chi nghiệp vụ, đoàn ra, đoàn vào và các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên.

Không bao gồm các nhiệm vụ chi: đóng niên liễm, thực hiện nhiệm vụ đặc thù,

mua sắm tài sản cố định có số lượng hoặc có giá trị lớn, nâng cấp cơ sở vật chất quy mô lớn. Kinh phí chi cho các nhiệm vụ này thực hiện theo các quyết định cụ thể, các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với dự toán chi bảo đảm hoạt động của các cơ quan Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ được tính trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này.

c) Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (biên chế ở trung ương), Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước được tính thêm 20% so với định mức áp dụng chung cho các Bộ, cơ quan Trung ương (không phải ngành dọc) có cùng quy mô biên chế.

d) Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án (biên chế ở địa phương) được tính thêm 20% so định mức áp dụng chung cho các cơ quan ngành dọc.

đ) Tổng cục Thống kê (biên chế ở trung ương) được tính theo định mức áp dụng chung cho các Bộ, cơ quan Trung ương (không phải ngành dọc) có cùng quy mô biên chế.

e) Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền giao biên chế có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính về chỉ tiêu biên chế của các Bộ, cơ quan Trung ương làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch vào ngày 20 tháng 7 năm trước.

g) Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các đơn vị thực hiện khoán chi hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước,...) được vận dụng định mức phân bổ chi quản lý hành chính nêu trên để xây dựng mức khoán cho cơ quan, đơn vị mình; không sử dụng định mức phân bổ này để giao dự toán ngân sách hàng năm.

h) Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

i) Dự toán chi quản lý hành chính các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế:

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách

nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Mức kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở y tế được giao ổn định hàng năm trong thời kỳ ổn định và được tăng theo tỷ lệ do Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương có trách nhiệm ban hành hệ thống định mức phân bổ chi ngân sách y tế cho các đơn vị trực thuộc, bảo đảm phân bổ khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo (bao gồm cả đào tạo nghề):

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên cho các cơ sở đào tạo được giao ổn định và hàng năm trong thời kỳ ổn định được tăng tỷ lệ theo các nhóm ngành đào tạo do Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương có trách nhiệm ban hành hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi ngân sách đào tạo cho các đơn vị trực thuộc, bảo đảm khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật.

II. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CHO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

a) Định mức phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 đến 18 tuổi.

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	565.400
Đồng bằng	664.000
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	817.200
Vùng cao - hải đảo	1.144.000

- Định mức phân bổ nêu trên bao gồm:

+ Tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục.

+ Các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú và chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục thực hiện theo Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01 tháng 7 năm 2004, Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị,...

- Trên cơ sở định mức trên, nếu tỷ lệ chi giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 20% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục sẽ được bổ sung đủ 20%; bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tối đa 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 20% (chưa kể nguồn thu học phí).

b) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã, thôn thuộc Chương trình 135 theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010 được phân bổ thêm 70.000 đồng/người dân xã, thôn 135 trong độ tuổi đến trường từ 1 - 18 tuổi/năm để thực hiện chế độ không thu tiền sách giáo khoa, giấy vở học sinh,... đối với học sinh xã, thôn 135.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	21.330
Đồng bằng	23.710
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	31.000
Vùng cao - hải đảo	42.700

Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề bao gồm các loại hình đào tạo, dạy nghề (chính quy, tại chức, đào tạo lại, các loại hình đào tạo dạy nghề khác), các cấp đào tạo, dạy nghề, trung tâm chính trị tỉnh, huyện,... của địa phương.

b) Định mức phân bổ thêm kinh phí cho các trường đại học mang tính chất khu vực:

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các trường đại học công lập do địa phương quản lý do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; có thực hiện nhiệm vụ đào tạo học sinh ở các địa phương khác, được ngân sách trung ương phân bổ thêm cho ngân sách địa phương mức bằng 30% mức dự toán chi năm 2006 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giao cho trường đại học.

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	58.680
Đồng bằng	79.280
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	101.100
Vùng cao - hải đảo	140.700

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm các chế độ: khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi; các chế độ chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực y tế theo Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01 tháng 7 năm 2004, Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị,...

b) Kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo được xác định trên cơ sở dự kiến số người nghèo năm 2007 và các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ; mức chi khám chữa bệnh bình quân một người dân nghèo thực hiện theo chế độ quy định.

c) Định mức phân bổ thêm kinh phí cho các bệnh viện mang tính chất khu vực:

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các bệnh viện do địa phương quản lý và bảo đảm ngân sách mang tính chất khu vực theo quy định của Bộ Y tế, được ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương mức bằng 30% dự toán chi năm 2006 do cơ quan có thẩm quyền đã giao cho bệnh viện.

4. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	80.400
Đồng bằng	73.570
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	106.300
Vùng cao - hải đảo	128.300

b) Định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

- Đối với đơn vị hành chính cấp huyện:

+ Huyện vùng cao - hải đảo: 850 triệu đồng/huyện/năm.

+ Huyện miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu: 750 triệu đồng/huyện/năm.

+ Huyện còn lại: 680 triệu đồng/huyện/năm.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã:

+ Xã vùng cao - hải đảo: 370 triệu đồng/xã/năm.

+ Xã miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu: 290 triệu đồng/xã/năm.

+ Xã còn lại: 210 triệu đồng/xã/năm.

c) Đối với các tỉnh biên giới Việt - Trung, được bổ sung kinh phí để đảm bảo kinh phí đối với số biên chế tăng theo Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010.

d) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị hành chính (mang tính đặc thù riêng) như: Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Sở Thủy sản, Sở Quy hoạch, kiến trúc, Ban Dân tộc ở cấp tỉnh và Phòng Dân tộc ở cấp huyện,... được bổ sung thêm theo mức 800 triệu đồng/đơn vị hành chính cấp tỉnh và 200 triệu đồng/đơn vị hành chính cấp huyện.

đ) Căn cứ định mức nêu trên, nếu mức chi thực hiện nhiệm vụ không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương nhỏ hơn 35% so với tổng chi quản lý hành

chính nhà nước, đảng, đoàn thể sẽ được bổ sung đủ 35% bảo đảm tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tối đa bằng 65%, chi thực hiện nhiệm vụ không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu là 35%.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	9.650
Đồng bằng	10.560
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	14.520
Vùng cao - hải đảo	20.260

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm các chế độ chính sách ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc theo Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01 tháng 7 năm 2004, Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị,...

b) Định mức phân bổ theo đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật:

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đội thông tin lưu động được phân bổ thêm kinh phí 200 triệu đồng/đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và 100 triệu đồng/đội thông tin lưu động.

c) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di sản văn hóa thế giới, các di sản quốc gia quan trọng, được ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	5.720
Đồng bằng	6.350
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	8.600
Vùng cao - hải đảo	11.450

a) Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.

b) Đối với các tỉnh có các huyện miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình và các huyện vùng cao, hải đảo được phân bổ với mức 130 triệu đồng/huyện để có thêm kinh phí thực hiện phủ sóng phát thanh, truyền hình đối với vùng núi khó khăn.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	7.180
Đồng bằng	5.050
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	5.800
Vùng cao - hải đảo	7.880

b) Định mức phân bổ theo số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật:

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật được tham gia các giải do Trung ương tổ chức được phân bổ kinh phí tập huấn theo chế độ quy định với vận động viên.

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	11.210
Đồng bằng	12.170
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	16.200
Vùng cao - hải đảo	19.000

b) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang,

anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) ngoài chế độ phụ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần do ngân sách trung ương đảm bảo; ngân sách địa phương được phân bổ với mức 120.000 đồng/gia đình thuộc diện chính sách để có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

c) Bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 119/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ.

9. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	10.500
Đồng bằng	10.500
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	11.000
Vùng cao - hải đảo	14.050

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí đặc thù địa lý:

Đối với các tỉnh có biên giới đất liền, có huyện, xã đảo được phân bổ kinh phí với mức 200 triệu đồng/xã biên giới, hải đảo; 1.000 triệu đồng/huyện (đối với huyện đảo không có đơn vị hành chính xã) để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về quốc phòng, thực hiện cơ chế bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ.

10. Định mức phân bổ chi an ninh:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	6.000
Đồng bằng	4.560
Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	5.100
Vùng cao - hải đảo	6.000

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí đặc thù địa lý:

Đối với các tỉnh có biên giới đất liền, có huyện, xã đảo được phân bổ kinh phí với mức 150 triệu đồng/xã biên giới, hải đảo; 400 triệu đồng/huyện (đối với huyện đảo không có đơn vị hành chính xã) để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh. Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, thực hiện cơ chế bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ.

11. Mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ:

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ nhiệm vụ khoa học - công nghệ cả giai đoạn 2006 - 2010 của từng địa phương để xây dựng phương án phân bổ dự toán năm 2007 tăng theo tỷ lệ thích hợp so với dự toán năm 2006 đã được Thủ tướng Chính phủ giao theo nhóm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

12. Mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

Dự toán chi sự nghiệp kinh tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 11 phần II) đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên. Đối với các đô thị loại I (thuộc tỉnh), loại II, loại III theo quy định tại Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ được phân bổ thêm: 30.000 triệu đồng/đô thị loại I (thuộc tỉnh)/năm; 10.000 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 5.000 triệu đồng/đô thị loại III/năm.

13. Định mức phân bổ chi trợ giá, trợ cước:

Được xác định theo tiêu chí dân số:

- Vùng đô thị mức 2.000 đồng/người dân/năm.
- Vùng đồng bằng mức 1.000 đồng/người dân/năm.
- Miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu mức 10.000 đồng/người dân/năm.
- Vùng cao - hải đảo mức 12.000 đồng/người dân/năm.

Định mức trên để thực hiện chế độ trợ giá đối với báo Đảng ở địa phương; các cơ sở giữ, bảo tồn, phát triển giống gốc của ngành nông nghiệp do địa phương quản lý và thực hiện chế độ trợ giá, trợ cước đối với đồng bào miền núi. Việc trợ giá, trợ cước cụ thể (mặt hàng, sản phẩm, định mức hỗ trợ, địa bàn,...) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định.

14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường:

Trên cơ sở tổng dự toán chi sự nghiệp môi trường của ngân sách nhà nước, trong đó ngân sách trung ương 15%, ngân sách địa phương 85%. Chi sự nghiệp môi trường của ngân sách địa phương được phân bổ theo các tiêu chí sau:

- Dành 48% phân bổ theo số dân số đô thị và mật độ dân số, cụ thể:
 - + Đối với dân số đô thị đặc biệt hệ số 8; đối với đô thị loại I hệ số 5; đối với đô thị loại II đến IV hệ số 1,8; nông thôn hệ số 1.
 - + Về hệ số theo mật độ dân số: trên 2.000 người/km² hệ số 9; trên 1.000 - 2000 người/km² hệ số 6; trên 750 - 1000 người/km² hệ số 2,5; trên 500 - 750 người/km² hệ số 1,8; dưới 500 người/km² hệ số 1.
- Dành 45% phân bổ cho yếu tố tác động môi trường của sản xuất công nghiệp theo giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn từng địa phương theo công thức:

$$\text{Chi sự nghiệp môi trường (tỉnh A)} = \frac{\text{Tổng chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương}}{\text{Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh A}} \times 45\% \times \frac{\text{Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh A}}{\text{Giá trị sản xuất công nghiệp toàn quốc}}$$

(trong đó giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh A lấy theo số liệu thực hiện năm 2005)

- Dành 2% phân bổ đảm bảo môi trường khu bảo tồn thiên nhiên theo công thức:

$$\text{Chi sự nghiệp môi trường (tỉnh A)} = \frac{\text{Tổng chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương}}{\text{Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên của địa phương (ha)}} \times 2\% \times \frac{\text{Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên của địa phương (ha)}}{\text{Tổng diện tích khu bảo tồn thiên nhiên toàn quốc (ha)}}$$

- Dành 5% phân bổ cho yếu tố tác động từ rừng tự nhiên đảm bảo môi trường thiên nhiên theo diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn từng địa phương theo công thức:

$$\text{Chi sự nghiệp môi trường (tỉnh A)} = \frac{\text{Tổng chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương}}{\text{Diện tích rừng tự nhiên của địa phương (ha)}} \times 5\% \times \frac{\text{Diện tích rừng tự nhiên của địa phương (ha)}}{\text{Tổng diện tích rừng tự nhiên toàn quốc (ha)}}$$

15. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương:

- a) Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính

được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên (từ mục 1 đến mục 14 phần II).

b) Đối với các tỉnh có biên giới đất liền với Lào, Campuchia được bổ sung kinh phí theo mức 200 triệu đồng/xã biên giới để thực hiện nhiệm vụ quan hệ với các địa phương nước bạn. (Đối với các địa phương có biên giới đất liền với Trung Quốc thực hiện theo Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010).

16. Đối với những địa phương khó khăn hoặc có dân số thấp:

Đối với các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long được phân bổ thêm 5% số chi tính theo định mức dân số ở vùng đồng bằng nêu trên. Đối với các tỉnh có dân số dưới 500 nghìn dân được phân bổ thêm 10% số chi tính theo định mức dân số nêu trên và những tỉnh có dân số từ 500 - 800 nghìn dân được phân bổ thêm 8% số chi tính theo định mức dân số nêu trên.

17. Đối với các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương:

Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 30% số chi tính theo định mức dân số nêu trên; các thành phố trực thuộc Trung ương còn lại (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) được phân bổ thêm 25% số chi tính theo định mức dân số nêu trên; các tỉnh có đóng góp lớn về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 20% số chi tính theo định mức dân số nêu trên; các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 15% số chi tính theo định mức dân số nêu trên; các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương tương ứng với 10% số chi tính theo định mức dân số nêu trên.

18. Về định mức dự phòng ngân sách:

Căn cứ mức độ thiên tai của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2001 - 2005 (theo số liệu của Tổng cục Thống kê) để xác định tỷ lệ dự phòng ngân sách phù hợp cho từng địa phương năm 2007 theo 2 nhóm 3% và 4%.

19. Đối với các đơn vị hành chính thành lập mới (thị xã, quận, huyện, xã, phường, thị trấn,...) theo Quyết định của cấp có thẩm quyền: trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách khi có đơn vị hành chính mới được thành lập theo Quyết định của cấp có thẩm quyền, ngân sách trung ương thực hiện bổ sung có mục tiêu từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để hỗ trợ các đơn vị hành chính mới được thành lập (kinh phí hỗ trợ thực hiện công

tác di chuyển, thuê chỗ làm việc, sửa chữa, mua sắm bổ sung phương tiện làm việc; chi trả tiền lương, phụ cấp lương cho số biên chế mới tăng thêm,...) như sau:

- Đối với thị xã, quận mới thành lập được hỗ trợ 5.000 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Đối với huyện mới thành lập: thuộc vùng cao - hải đảo được hỗ trợ 5.000 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu được hỗ trợ 4.000 triệu đồng/đơn vị/năm; huyện thuộc vùng còn lại được hỗ trợ 3.000 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Đối với xã, phường, thị trấn mới thành lập: thuộc vùng cao - hải đảo được hỗ trợ 1.000 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu được hỗ trợ 800 triệu đồng/đơn vị/năm; xã, phường, thị trấn thuộc vùng còn lại được hỗ trợ 700 triệu đồng/đơn vị/năm.

Số kinh phí hỗ trợ nêu trên được thực hiện trong 3 năm kể từ khi điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị định của Chính phủ.

20. Đối với chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:

Từ năm ngân sách 2007, thực hiện cơ chế ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tương ứng với dự toán thu xổ số kiến thiết năm 2007 để đầu tư hạ tầng, phúc lợi xã hội, trong đó chủ yếu là giáo dục, y tế và được ổn định cho cả thời kỳ ổn định ngân sách mới.

III. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CĂN CỨ CỦA ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Về dân số:

Số dân số của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xác định theo số liệu do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố; được quy định cụ thể như sau:

- Dân số đô thị: gồm dân số các phường và thị trấn (đối với dân số các thị trấn thuộc miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu và vùng cao - hải đảo được tính vào dân số thuộc các vùng tương ứng không tính dân số vùng đô thị).

- Dân số miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu: gồm dân số ở các xã núi thấp, đồng bào dân tộc ở đồng bằng theo các quy định của Ủy ban Dân tộc; dân số các xã vùng sâu (xã vùng sâu là các xã đồng bằng có các điều kiện khó khăn về địa lý tự nhiên, khắc nghiệt về thời tiết, xa xôi hẻo lánh, xa các trung tâm

văn hóa chính trị xã hội đi lại khó khăn,... được xác định theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính - Ủy ban Dân tộc mà cán bộ, công chức công tác tại địa bàn được hưởng phụ cấp khu vực).

- Dân số vùng cao - hải đảo gồm dân số các xã núi cao, xã hải đảo (xã núi cao và hải đảo xác định theo quyết định công nhận của Ủy ban Dân tộc).

- Dân số vùng đồng bằng gồm dân số các xã thuộc khu vực còn lại.

2. Xã, thôn thuộc Chương trình 135: được xác định theo số xã, thôn được Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt giai đoạn 2006 - 2010.

3. Về số người nghèo: được xác định theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010 theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ; tỷ lệ người nghèo của từng địa phương năm 2007 được xác định căn cứ tỷ lệ đã được công bố năm 2005, yêu cầu phấn đấu và kết quả thực hiện giảm nghèo theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với năm 2005, năm 2006./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng